

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN
LÊ HỒNG PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI
THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Năm học 2026 - 2027

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	85	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	67	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	16	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	35hs/lớp	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	28.679	-
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	12.679	-
VI	Tổng diện tích các phòng		-
1	Diện tích phòng học (m ²)	4.374	-
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1.606	-

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
3	Diện tích thư viện (m ²)	585	-
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	830	-
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội (50m²), phòng truyền thống (57m²)</i>	107	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định (chỉ tính thiết bị có ĐVT là “bộ”, thiết bị dùng chung cho 3 khối sẽ được tính số lượng cho các khối)		
1.1	Khối lớp 10	798	34,70
1.2	Khối lớp 11	807	36,68
1.3	Khối lớp 12	799	36,32
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định (chỉ tính thiết bị có ĐVT là “bộ”, các bộ TBDH dùng chung chỉ tính SL thiếu cho 1 khối)		
2.1	Khối lớp 10	560	24,35
2.2	Khối lớp 11	236	10,72
2.3	Khối lớp 12	36	1,64
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/ thiết bị)	0	-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	417 (máy tính PHBM Tin, PHBM khác + phòng học thường)	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp

STT	Nội dung		Số lượng	Bình quân		
1	Máy tính		18 (Phòng ban khu A,B)			
2	Máy chiếu OverHead/Projector/Vật thể		86 (máy chiếu thường, máy chiếu vật thể tại phòng học, PHBM, phòng ban)			
3	Ti vi		0			
4	Cát xét		17			
X	Nhà bếp		0			
XI	Nhà ăn		0			
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		02 phòng, 408 m ²			
XIII	Khu nội trú		0			
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/ Nữ	Chung	Nam/ Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10	0	12/12	0	04/03
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	✓	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	✓	
XVII	Kết nối internet	✓	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	✓	
XIX	Tường rào xây	✓	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 9 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Hồ Tấn Minh

